

# Lớp beamer.cls trình chiếu tài liệu

Nguyễn Hữu Diễn

Khó Toán – Cơ – Tin học  
Đại học ĐHKHTN - Đại học Quốc gia Hà Nội

26/3/2021

# Mèo con và Sư tử



# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách
- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dùng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách
- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

# 1. Giới thiệu lớp

- Lợi thế dùng trình chiếu bằng beamer

# 1. Giới thiệu lớp

- Lợi thế dùng trình chiếu bằng beamer
  - Chỉ ra beamer như là một lớp thay vào chỗ article

# 1. Giới thiệu lớp

- Lợi thế dùng trình chiếu bằng beamer
  - Chỉ ra beamer như là một lớp thay vào chỗ article
  - Mỗi trang được thực hiện trong môi trường frame.

# 1. Giới thiệu lớp

- Lợi thế dùng trình chiếu bằng beamer
  - Chỉ ra beamer như là một lớp thay vào chỗ article
  - Mỗi trang được thực hiện trong môi trường frame.
  - Rất nhiều kiểu chạy chữ và chuyển trang.



# 1. Giới thiệu lớp

- Lợi thế dùng trình chiếu bằng beamer
  - Chỉ ra beamer như là một lớp thay vào chỗ article
  - Mỗi trang được thực hiện trong môi trường frame.
  - Rất nhiều kiểu chạy chữ và chuyển trang.
  - Có rất nhiều cách thể hiện thanh tiêu đề và các ký hiệu.

# 1. Giới thiệu lớp

- Lợi thế dùng trình chiếu bằng beamer
  - Chỉ ra beamer như là một lớp thay vào chỗ article
  - Mỗi trang được thực hiện trong môi trường frame.
  - Rất nhiều kiểu chạy chữ và chuyển trang.
  - Có rất nhiều cách thể hiện thanh tiêu đề và các ký hiệu.
  - Dùng biên dịch theo hai cách là dvips/ps2pdf và pdflatex.

# 1. Giới thiệu lớp

- Lợi thế dùng trình chiếu bằng beamer
  - Chỉ ra beamer như là một lớp thay vào chỗ article
  - Mỗi trang được thực hiện trong môi trường frame.
  - Rất nhiều kiểu chạy chữ và chuyển trang.
  - Có rất nhiều cách thể hiện thanh tiêu đề và các ký hiệu.
  - Dùng biên dịch theo hai cách là dvips/ps2pdf và pdflatex.
  - Đầu ra trên màn hình, in tóm tắt, chú thích,....

# 1. Giới thiệu lớp

- Lợi thế dùng trình chiếu bằng beamer
  - Chỉ ra beamer như là một lớp thay vào chỗ article
  - Mỗi trang được thực hiện trong môi trường frame.
  - Rất nhiều kiểu chạy chữ và chuyển trang.
  - Có rất nhiều cách thể hiện thanh tiêu đề và các ký hiệu.
  - Dùng biên dịch theo hai cách là dvips/ps2pdf và pdflatex.
  - Đầu ra trên màn hình, in tóm tắt, chú thích,....
  - Có thể mô phỏng hình chuyển động.

# 1. Giới thiệu lớp

- Lợi thế dùng trình chiếu bằng beamer
  - Chỉ ra beamer như là một lớp thay vào chỗ article
  - Mỗi trang được thực hiện trong môi trường frame.
  - Rất nhiều kiểu chạy chữ và chuyển trang.
  - Có rất nhiều cách thể hiện thanh tiêu đề và các ký hiệu.
  - Dùng biên dịch theo hai cách là dvips/ps2pdf và pdflatex.
  - Đầu ra trên màn hình, in tóm tắt, chú thích,....
  - Có thể mô phỏng hình chuyển động.
  - Trang chủ:<http://latex-beamer.sourceforge.net>

# 1. Giới thiệu lớp

- Lợi thế dùng trình chiếu bằng beamer
  - Chỉ ra beamer như là một lớp thay vào chỗ article
  - Mỗi trang được thực hiện trong môi trường frame.
  - Rất nhiều kiểu chạy chữ và chuyển trang.
  - Có rất nhiều cách thể hiện thanh tiêu đề và các ký hiệu.
  - Dùng biên dịch theo hai cách là dvips/ps2pdf và pdflatex.
  - Đầu ra trên màn hình, in tóm tắt, chú thích,....
  - Có thể mô phỏng hình chuyển động.
  - Trang chủ:<http://latex-beamer.sourceforge.net>
  - Trong MiKTeX đã có sẵn, khi dùng gói lệnh sẽ cài đặt

# 1. Giới thiệu lớp

- Lợi thế dùng trình chiếu bằng beamer
  - Chỉ ra beamer như là một lớp thay vào chỗ article
  - Mỗi trang được thực hiện trong môi trường frame.
  - Rất nhiều kiểu chạy chữ và chuyển trang.
  - Có rất nhiều cách thể hiện thanh tiêu đề và các ký hiệu.
  - Dùng biên dịch theo hai cách là dvips/ps2pdf và pdflatex.
  - Đầu ra trên màn hình, in tóm tắt, chú thích,....
  - Có thể mô phỏng hình chuyển động.
  - Trang chủ: <http://latex-beamer.sourceforge.net>
  - Trong MiKTeX đã có sẵn, khi dùng gói lệnh sẽ cài đặt
- Khó khăn:
  - Khó thiết kế các mẫu

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu**
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách
- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử



## 2. Khung mẫu trình chiếu

Khai báo đầu trang

```
\documentclass[slidestop,compress,mathserif]{beamer}  
\usepackage[utf8]{inputenc, vietnam}  
\usepackage{amsmath,amssymb,amscd,amsthm}  
\usetheme{Antibes}  
\usecolortheme{lily}  
\begin{document}
```

Trang tiêu đề

```
\title{Lớp beamer.cls trình chiếu tài liệu}  
\author{Nguyễn Hữu Diễn}  
\institute[ĐHKHTN Hà Nội]{  
Khoa Toán - Cơ - Tin học\\  
Đại học Khoa học Tự nhiên Hà nội}  
\date{5/1/2009}
```

## 2. Khung mẫu trình chiếu

Một nội dung trang trình chiếu

```
\begin{frame}  
\frametitle{1. Giới thiệu lớp}  
\begin{itemize}  
\item< 1- > Lớp LaTeX bình thường;  
\item< 2- > Dừng lại 1 chút;  
\item< 3- > Dừng trực tiếp!  
\end{itemize}  
\end{frame}  
\end{document}
```

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 **Tùy chọn của mẫu văn bản**
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách
- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

### 3. Tùy chọn của mẫu văn bản

```
\documentclass[slidestop,compress,mathserif]{beamer}  
\usetheme{Antibes}  
\usecolortheme{lily}
```

- **[slidestop]** Đặt tiêu đề bên trái góc trên (mặc định=[slidescentered]).
- **[compress]** Làm các thanh tiêu đề nhỏ có thể (mặc định=[uncompressed]).
- **[red]** Thay đổi màu của thanh tiêu đề và khung.  
blue: Mẫu mặc định  
red: Mặc định cho trình chiếu  
brown: nâu  
blackandwhite: Tốt cho màn hình trong suốt.
- Không tùy chọn: PDF screen (cỡ 128mm × 96 mm)<sup>3</sup>.
- **[handout]** Tập PDF liệt kê.

### 3. Tùy chọn của mẫu văn bản

- `[trans]` Tập PDF trong suốt.
- `[notes=hide/show/only]` Tùy chọn này cho ẩn, hiện ra,...
- `[hyperref={bookmarks=false}]` Làm mục lục cho tập PDF
- `[17pt]` cỡ chữ cho văn bản có 8pt, 9pt, 9pt, 11pt, 12pt, 14pt, 17pt, 20pt.
- `\usepackage[utf8]{vietnam}`  
Phông tiếng Việt theo Unicode.
- `\usetheme{Madrid}`  
Những giao diện của trình chiếu như: Berkeley, Warsaw, dolphin, Montpellier,....
- Các gói lệnh được dùng bình thường như các tài liệu LaTeX.

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản**
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách
- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 4. Các trang văn bản

- Trang bìa của tài liệu có định dạng

```
\title{Lớp beamer.cls trình chiếu tài liệu}  
\author{Nguyễn Hữu Diễn}  
\institute[ĐHKHTN Hà Nội]{  
Khoa Toán - Cơ - Tin học\\  
Đại học Khoa học Tự nhiên Hà nội}  
\date{5/1/2009}
```

- Trang khung và tùy chọn

```
\begin{frame}[<tùy chọn>]  
\frametitle{1. Giới thiệu gói lệnh}  
<Nội dung trình bày>  
\end{frame}
```

## 4. Các trang văn bản

Tùy chọn của một khung trình chiếu:

- `[containsverbatim]` dùng được môi trường verbatim và `\verb`



## 4. Các trang văn bản

Tùy chọn của một khung trình chiếu:

- `[containsverbatim]` dùng được môi trường verbatim và `\verb`
- `[allowframebreaks]` Cho phép ngắt trang sang trang sau

## 4. Các trang văn bản

Tùy chọn của một khung trình chiếu:

- `[containsverbatim]` dùng được môi trường verbatim và `\verb`
- `[allowframebreaks]` Cho phép ngắt trang sang trang sau
- `[shrink]` Co dãn nội dung để phù hợp 1 trang

## 4. Các trang văn bản

Tùy chọn của một khung trình chiếu:

- `[containsverbatim]` dùng được môi trường verbatim và `\verb`
- `[allowframebreaks]` Cho phép ngắt trang sang trang sau
- `[shrink]` Co dãn nội dung để phù hợp 1 trang
- `[squeeze]` Nén văn bản cho vừa chiều cao.

## 4. Các trang văn bản

Tùy chọn của một khung trình chiếu:

- `[containsverbatim]` dùng được môi trường verbatim và `\verb`
- `[allowframebreaks]` Cho phép ngắt trang sang trang sau
- `[shrink]` Co dãn nội dung để phù hợp 1 trang
- `[squeeze]` Nén văn bản cho vừa chiều cao.

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang**
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 5. Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang

- Hiệu ứng trên mọi trang được đặt trước `\begin{document}`.

## 5. Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang

- Hiệu ứng trên mọi trang được đặt trước `\begin{document}`.
  - Mặc định là lật trang bình thường.

## 5. Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang

- Hiệu ứng trên mọi trang được đặt trước `\begin{document}`.
  - Mặc định là lật trang bình thường.
  - `\beamertemplate{transparentcoveredhigh}` các dòng mở thì mờ, nhấn chuột hiện rõ



## 5. Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang

- Hiệu ứng trên mọi trang được đặt trước `\begin{document}`.
  - Mặc định là lật trang bình thường.
  - `\beamertemplate{transparentcoveredhigh}` các dòng mở thì mờ, nhấn chuột hiện rõ
  - `\beamertemplate{transparentcovereddynamicmedium}` giống như trên nhưng rõ ra dần dần.

## 5. Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang

- Hiệu ứng trên mọi trang được đặt trước `\begin{document}`.
  - Mặc định là lật trang bình thường.
  - `\beamertemplate{transparentcoveredhigh}` các dòng mở thì mờ, nhấn chuột hiện rõ
  - `\beamertemplate{transparentcovereddynamicmedium}` giống như trên nhưng rõ ra dần dần.
- Hiệu ứng mở các đối tượng để các lệnh sau sau `\begin{frame}` như

```
\begin{frame}[containsverbatim]
\transblindshorizontal
\frametitle{4. Các trang văn bản}
.....
```

## 5. Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang

- Hiệu ứng trên mọi trang được đặt trước `\begin{document}`.
  - Mặc định là lật trang bình thường.
  - `\beamertemplatetransparentcoveredhigh` các dòng mở thì mờ, nhấn chuột hiện rõ
  - `\beamertemplatetransparentcovereddynamicmedium` giống như trên nhưng rõ ra dần dần.
- Hiệu ứng mở các đối tượng để các lệnh sau sau `\begin{frame}` như

```
\begin{frame}[containsverbatim]
\transblindshorizontal
\frametitle{4. Các trang văn bản}
.....
```

- `\transblindshorizontal` hiệu ứng màn hình trái dọc

## 5. Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang

- Hiệu ứng trên mọi trang được đặt trước `\begin{document}`.
  - Mặc định là lật trang bình thường.
  - `\beamertemplatetransparentcoveredhigh` các dòng mở thì mờ, nhấn chuột hiện rõ
  - `\beamertemplatetransparentcovereddynamicmedium` giống như trên nhưng rõ ra dần dần.
- Hiệu ứng mở các đối tượng để các lệnh sau sau `\begin{frame}` như

```
\begin{frame}[containsverbatim]
\transblindshorizontal
\frametitle{4. Các trang văn bản}
.....
```

- `\transblindshorizontal` hiệu ứng màn hình trái dọc
- `\transsplitverticalin` màn hình trái ngang

## 5. Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang

- Hiệu ứng trên mọi trang được đặt trước `\begin{document}`.
  - Mặc định là lật trang bình thường.
  - `\beamertemplatetransparentcoveredhigh` các dòng mở thì mờ, nhấn chuột hiện rõ
  - `\beamertemplatetransparentcovereddynamicmedium` giống như trên nhưng rõ ra dần dần.
- Hiệu ứng mở các đối tượng để các lệnh sau sau `\begin{frame}` như

```
\begin{frame}[containsverbatim]
\transblindshorizontal
\frametitle{4. Các trang văn bản}
.....
```

- `\transblindshorizontal` hiệu ứng màn hình trái dọc
- `\transsplitverticalin` màn hình trái ngang

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán**
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách
- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Trợ giúp tốt nhất chữ văn bản và phong toán.  
Văn bản mặc định và phong toán : CMSS và CMR Math

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Trợ giúp tốt nhất chữ văn bản và phong toán.  
Văn bản mặc định và phong toán : CMSS và CMR Math
- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [sans] cho phong văn bản



## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Trợ giúp tốt nhất chữ văn bản và phong toán.  
Văn bản mặc định và phong toán : CMSS và CMR Math
- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [sans] cho phong văn bản  
- Phong mathsans mặc định.

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Trợ giúp tốt nhất chữ văn bản và phong toán.  
Văn bản mặc định và phong toán : CMSS và CMR Math
- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [sans] cho phong văn bản
  - Phong mathsans mặc định.
  - Có thể dùng `\usefonttheme{default}`

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Trợ giúp tốt nhất chữ văn bản và phong toán.  
Văn bản mặc định và phong toán : CMSS và CMR Math
- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [sans] cho phong văn bản
  - Phong mathsans mặc định.
  - Có thể dùng `\usefonttheme{default}`
- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [seif] cho phong văn bản

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Trợ giúp tốt nhất chữ văn bản và phong toán.  
Văn bản mặc định và phong toán : CMSS và CMR Math
- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [sans] cho phong văn bản
  - Phong mathsans mặc định.
  - Có thể dùng `\usefonttheme{default}`
- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [sefif] cho phong văn bản
  - Phong mathserif mặc định.

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Trợ giúp tốt nhất chữ văn bản và phong toán.  
Văn bản mặc định và phong toán : CMSS và CMR Math
- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [sans] cho phong văn bản
  - Phong mathsans mặc định.
  - Có thể dùng `\usefonttheme{default}`
- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [serif] cho phong văn bản
  - Phong mathserif mặc định.
  - Có thể dùng `\usefonttheme[options]{serif}`

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Trợ giúp tốt nhất chữ văn bản và phong toán.  
Văn bản mặc định và phong toán : CMSS và CMR Math
- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [sans] cho phong văn bản
  - Phong mathsans mặc định.
  - Có thể dùng `\usefonttheme{default}`
- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [serif] cho phong văn bản
  - Phong mathserif mặc định.
  - Có thể dùng `\usefonttheme[options]{serif}`
- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [mathsans/mathserif] cho phong toán

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [professionalfonts] tắt mặc định

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [professionalfonts] tắt mặc định  
Dùng lại thì khai `\usefonttheme{professionalfonts}`



## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [professionalfonts] tắt mặc định  
Dùng lại thì khai `\usefonttheme{professionalfonts}`
- Các phong được thêm vào

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [professionalfonts] tắt mặc định  
Dùng lại thì khai `\usefonttheme{professionalfonts}`
- Các phong được thêm vào
  - `\usefonttheme{structurebold}` làm đậm các cấu trúc: Tiêu đề, chú thích, thanh chạy chữ,...

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [professionalfonts] tắt mặc định  
Dùng lại thì khai `\usefonttheme{professionalfonts}`
- Các phong được thêm vào
  - `\usefonttheme{structurebold}` làm đậm các cấu trúc: Tiêu đề, chú thích, thanh chạy chữ,...
  - `\usefonttheme{structuresmallcaps serif}` tương tự

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [professionalfonts] tắt mặc định  
Dùng lại thì khai `\usefonttheme{professionalfonts}`
- Các phong được thêm vào
  - `\usefonttheme{structurebold}` làm đậm các cấu trúc: Tiêu đề, chú thích, thanh chạy chữ,...
  - `\usefonttheme{structuresmallcaps serif}` tương tự
  - `\usefonttheme{structuresmallcaps serif}`

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [professionalfonts] tắt mặc định  
Dùng lại thì khai `\usefonttheme{professionalfonts}`
- Các phong được thêm vào
  - `\usefonttheme{structurebold}` làm đậm các cấu trúc: Tiêu đề, chú thích, thanh chạy chữ,...
  - `\usefonttheme{structuresmallcaps serif}` tương tự
  - `\usefonttheme{structuresmallcaps serif}`
- Ví dụ

```
\documentclass[mathserif]{beamer}%sans (text)+mathserif
\usepackage[small]{eulervm} % Euler VM
```

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Khi tùy chọn của lớp Beamer là [professionalfonts] tắt mặc định  
Dùng lại thì khai `\usefonttheme{professionalfonts}`
- Các phong được thêm vào
  - `\usefonttheme{structurebold}` làm đậm các cấu trúc: Tiêu đề, chú thích, thanh chạy chữ,...
  - `\usefonttheme{structuresmallcaps serif}` tương tự
  - `\usefonttheme{structuresmallcaps serif}`
- Ví dụ

```
\documentclass[mathserif]{beamer}%sans (text)+mathserif
\usepackage[small]{eulervm} % Euler VM
```

- Cỡ phong mặc định là 11pt.

## 6. Văn bản và phong ký hiệu Toán

- Khi tùy chọn của lớp Beamer là `[professionalfonts]` tắt mặc định  
Dùng lại thì khai `\usefonttheme{professionalfonts}`
- Các phong được thêm vào
  - `\usefonttheme{structurebold}` làm đậm các cấu trúc: Tiêu đề, chú thích, thanh chạy chữ,...
  - `\usefonttheme{structuresmallcaps serif}` tương tự
  - `\usefonttheme{structuresmallcaps serif}`
- Ví dụ

```
\documentclass[mathserif]{beamer}%sans (text)+mathserif
\usepackage[small]{eulervm} % Euler VM
```

- Cỡ phong mặc định là 11pt.
- Có thể chọn 8pt, 9pt, 10pt, 11pt, 12pt, 14pt, 17pt, 20pt.

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản**
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách
- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử



## 7. Màu chữ văn bản

- Lớp beamer dùng gói lệnh xcolor.sty mặc định, nhưng cũng có thể dùng color.sty và pstcol.sty.

## 7. Màu chữ văn bản

- Lớp beamer dùng gói lệnh xcolor.sty mặc định, nhưng cũng có thể dùng color.sty và pstcol.sty.
- Lệnh định nghĩa màu trong xcolor.sty

## 7. Màu chữ văn bản

- Lớp beamer dùng gói lệnh xcolor.sty mặc định, nhưng cũng có thể dùng color.sty và pstcol.sty.
- Lệnh định nghĩa mà trong xcolor.sty
  - `\xdefinecolor{lavendar}{rgb}{0.8,0.6,1}`

## 7. Màu chữ văn bản

- Lớp beamer dùng gói lệnh xcolor.sty mặc định, nhưng cũng có thể dùng color.sty và pstcol.sty.
- Lệnh định nghĩa màu trong xcolor.sty
  - `\xdefinecolor{lavendar}{rgb}{0.8,0.6,1}`
  - `\xdefinecolor{olive}{cmyk}{0.64,0,0.95,0.4}`

## 7. Màu chữ văn bản

- Lớp beamer dùng gói lệnh xcolor.sty mặc định, nhưng cũng có thể dùng color.sty và pstcol.sty.
- Lệnh định nghĩa mà trong xcolor.sty
  - `\xdefinecolor{lavendar}{rgb}{0.8,0.6,1}`
  - `\xdefinecolor{olive}{cmyk}{0.64,0,0.95,0.4}`
  - `\colorlet{structure}{green!60!black}` thay thế màu các cấu trúc

## 7. Màu chữ văn bản

- Lớp beamer dùng gói lệnh xcolor.sty mặc định, nhưng cũng có thể dùng color.sty và pstcol.sty.
- Lệnh định nghĩa mà trong xcolor.sty
  - `\xdefinecolor{lavendar}{rgb}{0.8,0.6,1}`
  - `\xdefinecolor{olive}{cmyk}{0.64,0,0.95,0.4}`
  - `\colorlet{structure}{green!60!black}` thay thế màu các cấu trúc
  - Các màu đã có trước: red, green, blue, cyan, magenta, yellow, black, darkgray, gray, lightgray, orange, violet, purple, and brown

## 7. Màu chữ văn bản

- Lớp beamer dùng gói lệnh xcolor.sty mặc định, nhưng cũng có thể dùng color.sty và pstcol.sty.
- Lệnh định nghĩa mà trong xcolor.sty
  - `\xdefinecolor{lavendar}{rgb}{0.8,0.6,1}`
  - `\xdefinecolor{olive}{cmyk}{0.64,0,0.95,0.4}`
  - `\colorlet{structure}{green!60!black}` thay thế màu các cấu trúc
  - Các màu đã có trước: red, green, blue, cyan, magenta, yellow, black, darkgray, gray, lightgray, orange, violet, purple, and brown
- Nếu muốn dùng tùy chọn của color.sty thì truyền [color=tùy chọn] trong tùy chọn của lớp beamer.

## 7. Màu chữ văn bản

- Lớp beamer dùng gói lệnh xcolor.sty mặc định, nhưng cũng có thể dùng color.sty và pstcol.sty.
- Lệnh định nghĩa mà trong xcolor.sty
  - `\xdefinecolor{lavendar}{rgb}{0.8,0.6,1}`
  - `\xdefinecolor{olive}{cmyk}{0.64,0,0.95,0.4}`
  - `\colorlet{structure}{green!60!black}` thay thế màu các cấu trúc
  - Các màu đã có trước: red, green, blue, cyan, magenta, yellow, black, darkgray, gray, lightgray, orange, violet, purple, and brown
- Nếu muốn dùng tùy chọn của color.sty thì truyền `[color=tùy chọn]` trong tùy chọn của lớp beamer.
- còn nếu muốn dùng gói lệnh pstcol.sty, thì truyền `[xcolor=pst,dvips]` trên tùy chọn của lớp beamer. Còn thì dùng `[xcolor=dvips/ps2pdf]`.



## 7. Màu chữ văn bản

- Lớp beamer dùng gói lệnh xcolor.sty mặc định, nhưng cũng có thể dùng color.sty và pstcol.sty.
- Lệnh định nghĩa mà trong xcolor.sty
  - `\xdefinecolor{lavendar}{rgb}{0.8,0.6,1}`
  - `\xdefinecolor{olive}{cmyk}{0.64,0,0.95,0.4}`
  - `\colorlet{structure}{green!60!black}` thay thế màu các cấu trúc
  - Các màu đã có trước: red, green, blue, cyan, magenta, yellow, black, darkgray, gray, lightgray, orange, violet, purple, and brown
- Nếu muốn dùng tùy chọn của color.sty thì truyền `[color=tùy chọn]` trong tùy chọn của lớp beamer.
- còn nếu muốn dùng gói lệnh pstcol.sty, thì truyền `[xcolor=pst,dvips]` trên tùy chọn của lớp beamer. Còn thì dùng `[xcolor=dvips/ps2pdf]`.

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền**
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách
- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 8. Thay màu chữ và nền

- Beamer cũng làm tươi màu mẫu :

## 8. Thay màu chữ và nền

- Beamer cũng làm tươi màu mẫu :
  - `\structure{text}` thì text sẽ đổi màu

## 8. Thay màu chữ và nền

- Beamer cũng làm tươi màu mẫu :
  - `\structure{text}` thì text sẽ đổi màu
- Đổi màu cấu trúc mẫu:

## 8. Thay màu chữ và nền

- Beamer cũng làm tươi màu mẫu :
  - `\structure{text}` thì text sẽ đổi màu
- Đổi màu cấu trúc mẫu:
  - `\usecolortheme[named=yellow]{structure}` đổi sang màu vàng.

## 8. Thay màu chữ và nền

- Beamer cũng làm tươi màu mẫu :
  - `\structure{text}` thì text sẽ đổi màu
- Đổi màu cấu trúc mẫu:
  - `\usecolortheme[named=yellow]{structure}` đổi sang màu vàng.
  - `\setbeamercolor{alerted_text}{fg=cyan}` đổi thành vàng nâu.

## 8. Thay màu chữ và nền

- Beamer cũng làm tươi màu mẫu :
  - `\structure{text}` thì text sẽ đổi màu
- Đổi màu cấu trúc mẫu:
  - `\usecolortheme[named=yellow]{structure}` đổi sang màu vàng.
  - `\setbeamercolor{alerted_text}{fg=cyan}` đổi thành vàng nâu.
- Đổi màu nền



## 8. Thay màu chữ và nền

- Beamer cũng làm tươi màu mẫu :
  - `\structure{text}` thì text sẽ đổi màu
- Đổi màu cấu trúc mẫu:
  - `\usecolortheme[named=yellow]{structure}` đổi sang màu vàng.
  - `\setbeamercolor{alerted_text}{fg=cyan}` đổi thành vàng nâu.
- Đổi màu nền
  - Đặt solid màu nền,

## 8. Thay màu chữ và nền

- Beamer cũng làm tươi màu mẫu :
  - `\structure{text}` thì text sẽ đổi màu
- Đổi màu cấu trúc mẫu:
  - `\usecolortheme[named=yellow]{structure}` đổi sang màu vàng.
  - `\setbeamercolor{alerted_text}{fg=cyan}` đổi thành vàng nâu.
- Đổi màu nền
  - Đặt solid màu nền,  
`\beamersetaveragebackground{color}` hoặc  
`\beamertemplatesolidbackgroundcolor{color}`

## 8. Thay màu chữ và nền

- Beamer cũng làm tươi màu mẫu :
  - `\structure{text}` thì text sẽ đổi màu
- Đổi màu cấu trúc mẫu:
  - `\usecolortheme[named=yellow]{structure}` đổi sang màu vàng.
  - `\setbeamercolor{alerted_text}{fg=cyan}` đổi thành vàng nâu.
- Đổi màu nền
  - Đặt solid màu nền,  
`\beamersetaveragebackground{color}` hoặc  
`\beamertemplatesolidbackgroundcolor{color}`
  - Đặt gradient màu nền,  
`\beamertemplateshadingbackground{color1}{color2}`. ví dụ `{blue!5}{yellow!10}`.

## 8. Thay màu chữ và nền

- Beamer cũng làm tươi màu mẫu :
  - `\structure{text}` thì text sẽ đổi màu
- Đổi màu cấu trúc mẫu:
  - `\usecolortheme[named=yellow]{structure}` đổi sang màu vàng.
  - `\setbeamercolor{alerted_text}{fg=cyan}` đổi thành vàng nâu.
- Đổi màu nền
  - Đặt solid màu nền,  
`\beamersetaveragebackground{color}` hoặc  
`\beamertemplatesolidbackgroundcolor{color}`
  - Đặt gradient màu nền,  
`\beamertemplateshadingbackground{color1}{color2}`. ví dụ `{blue!5}{yellow!10}`.
  - Đặt grid màu nền,  
`\beamertemplategridbackground[grid_space]`.

## 8. Thay màu chữ và nền

- Beamer cũng làm tươi màu mẫu :
  - `\structure{text}` thì text sẽ đổi màu
- Đổi màu cấu trúc mẫu:
  - `\usecolortheme[named=yellow]{structure}` đổi sang màu vàng.
  - `\setbeamercolor{alerted_text}{fg=cyan}` đổi thành vàng nâu.
- Đổi màu nền
  - Đặt solid màu nền,  
`\beamersetaveragebackground{color}` hoặc  
`\beamertemplatesolidbackgroundcolor{color}`
  - Đặt gradient màu nền,  
`\beamertemplateshadingbackground{color1}{color2}`. ví dụ `{blue!5}{yellow!10}`.
  - Đặt grid màu nền,  
`\beamertemplategridbackground[grid_space]`.

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn**
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

- Beamer cung cấp khung định sẵn như môi trường:

- Beamer cung cấp khung định sẵn như môi trường:
  - `theorem`, `corollary`, `definition` màu theo khung cấu trúc



- Beamer cung cấp khung định sẵn như môi trường:
  - `theorem`, `corollary`, `definition` màu theo khung cấu trúc
  - `examples` trong khung màu xanh

- Beamer cung cấp khung định sẵn như môi trường:
  - `theorem`, `corollary`, `definition` màu theo khung cấu trúc
  - `examples` trong khung màu xanh
  - `block` khung màu như tiêu đề

- Beamer cung cấp khung định sẵn như môi trường:
  - `theorem`, `corollary`, `definition` màu theo khung cấu trúc
  - `examples` trong khung màu xanh
  - `block` khung màu như tiêu đề
  - `alertblock` đổi màu khung với tiêu đề

- Beamer cung cấp khung định sẵn như môi trường:
  - `theorem`, `corollary`, `definition` màu theo khung cấu trúc
  - `examples` trong khung màu xanh
  - `block` khung màu như tiêu đề
  - `alertblock` đổi màu khung với tiêu đề
- They are aware of overlay

- Beamer cung cấp khung định sẵn như môi trường:
  - `theorem`, `corollary`, `definition` màu theo khung cấu trúc
  - `examples` trong khung màu xanh
  - `block` khung màu như tiêu đề
  - `alertblock` đổi màu khung với tiêu đề
- They are aware of overlay
- But their color schemes are theme dependent

- Beamer cung cấp khung định sẵn như môi trường:
  - `theorem`, `corollary`, `definition` màu theo khung cấu trúc
  - `examples` trong khung màu xanh
  - `block` khung màu như tiêu đề
  - `alertblock` đổi màu khung với tiêu đề
- They are aware of overlay
- But their color schemes are theme dependent
- Ví dụ:

```
\begin{block}<+>{Tổng quan}  
Beamer làm khung nhỏ  
\end{block}
```

- Beamer cung cấp khung định sẵn như môi trường:
  - `theorem`, `corollary`, `definition` màu theo khung cấu trúc
  - `examples` trong khung màu xanh
  - `block` khung màu như tiêu đề
  - `alertblock` đổi màu khung với tiêu đề
- They are aware of overlay
- But their color schemes are theme dependent
- Ví dụ:

```
\begin{block}<+>{Tổng quan}  
Beamer làm khung nhỏ  
\end{block}
```

- Kết quả

Tổng quan

Beamer làm khung nhỏ

## 9. Các khung văn bản định sẵn

- Môi trường `beamerboxesrounded`



## 9. Các khung văn bản định sẵn

- Môi trường `beamerboxesrounded`
- Ví dụ thay cả màu

```
\setbeamercolor{uppercol}{fg=white,bg=green}%chữ,nền
\setbeamercolor{lowercol}{fg=black,bg=white}%
\begin{minipage}[b]{6cm}
\begin{beamerboxesrounded}
[upper=uppercol,lower=lowercol,shadow=true]{Theorem}
$A = B$.\\
$C= D$.
\end{beamerboxesrounded}
\end{minipage}
```

## 9. Các khung văn bản định sẵn

- Môi trường beamerboxesrounded
- Ví dụ thay cả màu

```
\setbeamercolor{uppercol}{fg=white,bg=green}%chữ,nền  
\setbeamercolor{lowercol}{fg=black,bg=white}%  
\begin{minipage}[b]{6cm}  
\begin{beamerboxesrounded}  
[upper=uppercol,lower=lowercol,shadow=true]{Theorem}  
$A = B$.\\  
$C= D$.  
\end{beamerboxesrounded}  
\end{minipage}
```

- Kết quả

Theorem

$$A = B.$$

$$C = D.$$

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang**
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

# 10. Chia cột trong một trang

- Môi trường minipage

```
\begin{minipage}[t]{4cm}  
\begin{alertblock}<+>{Tổng quan}
```

Đây là ví dụ

```
\end{alertblock}  
\end{minipage}
```

```
\hfill
```

```
\begin{minipage}[t]{4cm}  
\begin{theorem}
```

Đây là ví dụ

```
\end{theorem}  
\end{minipage}
```

**Tổng quan**

Đây là ví dụ

**Theorem**

Đây là ví dụ

- Cách này có thể một bên là bảng hoặc hình cũng được.

# 10. Chia cột trong một trang

- Môi trường columns của Beamer

```
\begin{columns}  
\begin{column}[t]{4cm}  
\begin{alertblock}<+>{Tổng quan}
```

Đây là ví dụ

```
\end{alertblock}  
\end{column}  
\hfill  
\begin{column}[t]{4cm}  
\begin{theorem}
```

Đây là ví dụ

```
\end{theorem}  
\end{column}  
\end{columns}
```

Tổng quan

Đây là ví dụ

# 10. Chia cột trong một trang

- Môi trường columns của Beamer

```
\begin{columns}  
\begin{column}[t]{4cm}  
\begin{alertblock}<+>{Tổng quan}
```

Đây là ví dụ

```
\end{alertblock}  
\end{column}  
\hfill  
\begin{column}[t]{4cm}  
\begin{theorem}
```

Đây là ví dụ

```
\end{theorem}  
\end{column}  
\end{columns}
```

Tổng quan

Đây là ví dụ

# 10. Chia cột trong một trang

- Môi trường columns của Beamer

```
\begin{columns}
\begin{column}[t]{4cm}
\begin{alertblock}<+>{Tổng quan}
```

Đây là ví dụ

```
\end{alertblock}
\end{column}
\hfill
\begin{column}[t]{4cm}
\begin{theorem}
```

Đây là ví dụ

```
\end{theorem}
\end{column}
\end{columns}
```

Tổng quan

Đây là ví dụ

Theorem

Đây là ví dụ

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang**
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách
- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử



# 11. Cuộn một trang

- PDF cung cấp bảy cách cuộn trang: Blinds, Box, Dissolve, Glitter, Replace, Split, Wipe.

# 11. Cuộn một trang

- PDF cung cấp bảy cách cuộn trang: Blinds, Box, Dissolve, Glitter, Replace, Split, Wipe.
- Đặt lệnh di chuyển trang trong môi trường khung

# 11. Cuộn một trang

- PDF cung cấp bảy cách cuộn trang: Blinds, Box, Dissolve, Glitter, Replace, Split, Wipe.
- Đặt lệnh di chuyển trang trong môi trường khung

```
\begin{frame}[containsverbatim]
\transboxin
\frametitle{10. Cuộn một trang}
.....
\end{frame}
```

# 11. Cuộn một trang

- PDF cung cấp bảy cách cuộn trang: Blinds, Box, Dissolve, Glitter, Replace, Split, Wipe.
- Đặt lệnh di chuyển trang trong môi trường khung

```
\begin{frame}[containsverbatim]
\transboxin
\frametitle{10. Cuộn một trang}
.....
\end{frame}
```

- Một số ví dụ

# 11. Cuộn một trang

- PDF cung cấp bảy cách cuộn trang: Blinds, Box, Dissolve, Glitter, Replace, Split, Wipe.
- Đặt lệnh di chuyển trang trong môi trường khung

```
\begin{frame}[containsverbatim]
\transboxin
\frametitle{10. Cuộn một trang}
.....
\end{frame}
```

- Một số ví dụ

```
\transglitter[direction=315] định hướng lại chiều lật.
\transboxout
\transboxin
\transdissolve
\transsplitverticalout
```

## 15. Lệnh dừng từng bước để xem

- Lệnh `\pause` dừng lại
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại Em

## 15. Lệnh dừng từng bước để xem

- Lệnh \pause dừng lại
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại Em
  - Anh đã chẳng hẹn Em hôm ấy nữa

## 15. Lệnh dừng từng bước để xem

- Lệnh \pause dừng lại
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại Em
  - Anh đã chẳng hẹn Em hôm ấy nữa
  - Để quá khứ chỉ còn là thương nhớ



## 15. Lệnh dừng từng bước để xem

- Lệnh \pause dừng lại
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại Em
  - Anh đã chẳng hẹn Em hôm ấy nữa
  - Để quá khứ chỉ còn là thương nhớ
  - Và tương lai ít ra cũng ngọt ngào

# 15. Lệnh dừng từng bước để xem

- Lệnh `\pause` dừng lại
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại Em
  - Anh đã chẳng hẹn Em hôm ấy nữa
  - Để quá khứ chỉ còn là thương nhớ
  - Và tương lai ít ra cũng ngọt ngào
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại Em\pause
\item Anh đã chẳng hẹn Em hôm ấy nữa\pause
\item Để quá khứ chỉ còn là thương nhớ\pause
\item Và tương lai ít ra cũng ngọt ngào
\end{itemize}
```

Chú ý những lệnh này không tính thời gian dừng mà nhấn chuột hoặc phím [enter]

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng**
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu  
< + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 12. Lệnh dừng từng bước theo dòng

- Dừng theo hàng

Class	A	B	C	D
X	1	2	3	4

## 12. Lệnh dừng từng bước theo dòng

- Dừng theo hàng

Class	A	B	C	D
X	1	2	3	4
Y	3	4	5	6

## 12. Lệnh dừng từng bước theo dòng

- Dừng theo hàng

Class	A	B	C	D
X	1	2	3	4
Y	3	4	5	6
Z	5	6	7	8

## 12. Lệnh dừng từng bước theo dòng

- Dừng theo hàng

Class	A	B	C	D
X	1	2	3	4
Y	3	4	5	6
Z	5	6	7	8

- Mã nguồn

```
\rowcolors[] {1} {blue!20} {blue!10}  
\begin{tabular}{l!{\vrule}cccc}  
Class & A & B & C & D \\\hline  
X & 1 & 2 & 3 & 4 \pause \\  
Y & 3 & 4 & 5 & 6 \pause \\  
Z & 5 & 6 & 7 & 8  
\end{tabular}
```

Chú ý lệnh thay đổi màu theo hàng

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột**
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử



## 13. Lệnh dừng từng bước theo cột

- `\onslide<n->(đối tượng) hiện (đối tượng) lên màn hình.`
- Dừng theo cột

Class	A
X	1
Y	3
Z	5

# 13. Lệnh dừng từng bước theo cột

- `\onslide<n->`(đối tượng) hiện (đối tượng) lên màn hình.
- Dừng theo cột

Class	A	B
X	1	2
Y	3	4
Z	5	6

- Mã nguồn

```
\rowcolors[] {1} {blue!20} {blue!10}
\begin{tabular} {l!{\vrule} c<{\onslide<2->} c<{\onslide<3->}
c<{\onslide<4->} c<{\onslide} c}
Class & A & B & C & D \\
X & 1 & 2 & 3 & 4 \\
Y & 3 & 4 & 5 & 6 \\
Z & 5 & 6 & 7 & 8
\end{tabular}
```

# 13. Lệnh dừng từng bước theo cột

- `\onslide<n->`(đối tượng) hiện (đối tượng) lên màn hình.
- Dừng theo cột

Class	A	B	C
X	1	2	3
Y	3	4	5
Z	5	6	7

- Mã nguồn

```
\rowcolors[] {1} {blue!20} {blue!10}
\begin{tabular} {l!{\vrule} c<{\onslide<2->} c<{\onslide<3->}
c<{\onslide<4->} c<{\onslide} c}
Class & A & B & C & D \\
X & 1 & 2 & 3 & 4 \\
Y & 3 & 4 & 5 & 6 \\
Z & 5 & 6 & 7 & 8
\end{tabular}
```

# 13. Lệnh dừng từng bước theo cột

- `\onslide<n->`(đối tượng) hiện (đối tượng) lên màn hình.
- Dừng theo cột

Class	A	B	C	D
X	1	2	3	4
Y	3	4	5	6
Z	5	6	7	8

- Mã nguồn

```
\rowcolors[] {1} {blue!20} {blue!10}
\begin{tabular} {l!{\vrule} c<{\onslide<2->} c<{\onslide<3->}
c<{\onslide<4->} c<{\onslide} c}
Class & A & B & C & D \\
X & 1 & 2 & 3 & 4 \\
Y & 3 & 4 & 5 & 6 \\
Z & 5 & 6 & 7 & 8
\end{tabular}
```

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số**
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 14. Lệnh dừng từng bước theo đánh số

- `\item<n->` tăng số đếm từng bước theo  $n$ .
- Ví dụ

# 14. Lệnh dừng từng bước theo đánh số

- `\item<n->` tăng số đếm từng bước theo n.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại Em

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item<2-> Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại Em
\item<3-> Anh đã chẳng hẹn Em đêm ấy nữa
\item<4-> Em đứng lặng mặt úp vào bóng tối
\item<5-> Khổ thân em có nói được gì đâu.
\end{itemize}
```

# 14. Lệnh dừng từng bước theo đánh số

- `\item<n->` tăng số đếm từng bước theo n.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại Em
  - Anh đã chẳng hẹn Em đêm ấy nữa

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item<2-> Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại Em
\item<3-> Anh đã chẳng hẹn Em đêm ấy nữa
\item<4-> Em đứng lặng mặt úp vào bóng tối
\item<5-> Khổ thân em có nói được gì đâu.
\end{itemize}
```



# 14. Lệnh dừng từng bước theo đánh số

- `\item<n->` tăng số đếm từng bước theo n.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại Em
  - Anh đã chẳng hẹn Em đêm ấy nữa
  - Em đứng lặng mặt úp vào bóng tối

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item<2-> Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại Em
\item<3-> Anh đã chẳng hẹn Em đêm ấy nữa
\item<4-> Em đứng lặng mặt úp vào bóng tối
\item<5-> Khổ thân em có nói được gì đâu.
\end{itemize}
```

## 14. Lệnh dừng từng bước theo đánh số

- `\item<n->` tăng số đếm từng bước theo n.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại Em
  - Anh đã chẳng hẹn Em đêm ấy nữa
  - Em đứng lặng mặt úp vào bóng tối
  - Khổ thân em có nói được gì đâu.
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item<2-> Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại Em
\item<3-> Anh đã chẳng hẹn Em đêm ấy nữa
\item<4-> Em đứng lặng mặt úp vào bóng tối
\item<5-> Khổ thân em có nói được gì đâu.
\end{itemize}
```

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >**
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 15. Lệnh dừng từng bước theo dấu $<+->$

- $<+->$  đặt ngay tùy chọn sau môi trường.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau

## 15. Lệnh dừng từng bước theo dấu $<+->$

- $<+->$  đặt ngay tùy chọn sau môi trường.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau
  - Anh đã chẳng trách em yêu người khác

## 15. Lệnh dừng từng bước theo dấu $<+->$

- $<+->$  đặt ngay tùy chọn sau môi trường.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau
  - Anh đã chẳng trách em yêu người khác
  - Điều đơn giản bây giờ Anh mới hiểu

## 15. Lệnh dừng từng bước theo dấu $<+->$

- $<+->$  đặt ngay tùy chọn sau môi trường.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau
  - Anh đã chẳng trách em yêu người khác
  - Điều đơn giản bây giờ Anh mới hiểu
  - Thì em xa em đã quá xa rồi.

## 15. Lệnh dừng từng bước theo dấu $<+->$

- $<+->$  đặt ngay tùy chọn sau môi trường.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau
  - Anh đã chẳng trách em yêu người khác
  - Điều đơn giản bây giờ Anh mới hiểu
  - Thì em xa em đã quá xa rồi.



## 15. Lệnh dừng từng bước theo dấu $<+->$

- $<+->$  đặt ngay tùy chọn sau môi trường.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau
  - Anh đã chẳng trách em yêu người khác
  - Điều đơn giản bây giờ Anh mới hiểu
  - Thì em xa em đã quá xa rồi.
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}[<+->]  
\item Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau  
\item Anh đã chẳng trách em yêu người khác  
\item Điều đơn giản bây giờ Anh mới hiểu  
\item Thì em xa em đã quá xa rồi.  
\end{itemize}
```

- Có thể đặt từng `\item<+->` thay vì `\begin{itemize}[<+->]`.

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách**

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 16. Lệnh dừng rồi nhảy cách

- Lệnh `\item<n1-n2>` kiểm soát bước nhảy.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau

## 16. Lệnh dừng rồi nhảy cách

- Lệnh `\item<n1-n2>` kiểm soát bước nhảy.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau
  - Thì em xa em đã quá xa rồi.
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item<1-> Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau
\item<3-4> Anh đã chẳng trách em yêu người khác
\item<4> Điều đơn giản bây giờ Anh mới hiểu
\item<2-5> Thì em xa em đã quá xa rồi.
\end{itemize}
```

# 16. Lệnh dừng rồi nhảy cách

- Lệnh `\item<n1-n2>` kiểm soát bước nhảy.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau
  - Anh đã chẳng trách em yêu người khác
  - Thì em xa em đã quá xa rồi.
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}  
\item<1-> Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau  
\item<3-4> Anh đã chẳng trách em yêu người khác  
\item<4> Điều đơn giản bây giờ Anh mới hiểu  
\item<2-5> Thì em xa em đã quá xa rồi.  
\end{itemize}
```

## 16. Lệnh dừng rồi nhảy cách

- Lệnh `\item<n1-n2>` kiểm soát bước nhảy.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau
  - Anh đã chẳng trách em yêu người khác
  - Điều đơn giản bây giờ Anh mới hiểu
  - Thì em xa em đã quá xa rồi.
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}  
\item<1-> Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau  
\item<3-4> Anh đã chẳng trách em yêu người khác  
\item<4> Điều đơn giản bây giờ Anh mới hiểu  
\item<2-5> Thì em xa em đã quá xa rồi.  
\end{itemize}
```

## 16. Lệnh dừng rồi nhảy cách

- Lệnh `\item<n1-n2>` kiểm soát bước nhảy.
- Ví dụ
  - Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau
  - Thì em xa em đã quá xa rồi.
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}  
\item<1-> Nếu biết rằng sẽ chẳng gặp lại nhau  
\item<3-4> Anh đã chẳng trách em yêu người khác  
\item<4> Điều đơn giản bây giờ Anh mới hiểu  
\item<2-5> Thì em xa em đã quá xa rồi.  
\end{itemize}
```

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự



## 17. Thay thế nội dung

- `\only<n>\{...\}` thay thế liên tiếp

Ví dụ: `\only<1>\{Em\}\only<2>\{Anh\}\only<3>\{Chúng ta\}`  
 $\Rightarrow$  Em

- `\uncover<n>\{...\}` chỉ số đã cho n

Ví dụ: `\uncover<5>\{I am 5\}`  $\Rightarrow$

- `\invisible<n>\{...\}` ẩn số n

Ví dụ: `\invisible<8>\{Invisible at 8\}`  $\Rightarrow$  Invisible at 8

- `\alt<n>\{at n\}\{not at n\}` chuyển đổi cho nhau

Ví dụ: `\alt<11>\{I am 11\}\{I am not 11\}`  $\Rightarrow$  I am not 11

- `\temporal<n>\{before\}\{at n\}\{after\}` chuyển đổi cho nhau ba số

Ví dụ: `\temporal<14>\{I am 13\}\{I am 14\}\{I am 15\}`  $\Rightarrow$  I am 13

## 17. Thay thế nội dung

- `\only<n>\{...\}` thay thế liên tiếp

Ví dụ: `\only<1>\{Em\}\only<2>\{Anh\}\only<3>\{Chúng ta\}`  
 $\Rightarrow$  Anh

- `\uncover<n>\{...\}` chỉ số đã cho n

Ví dụ: `\uncover<5>\{I am 5\}`  $\Rightarrow$

- `\invisible<n>\{...\}` ẩn số n

Ví dụ: `\invisible<8>\{Invisible at 8\}`  $\Rightarrow$  Invisible at 8

- `\alt<n>\{at n\}\{not at n\}` chuyển đổi cho nhau

Ví dụ: `\alt<11>\{I am 11\}\{I am not 11\}`  $\Rightarrow$  I am not 11

- `\temporal<n>\{before\}\{at n\}\{after\}` chuyển đổi cho nhau ba số

Ví dụ: `\temporal<14>\{I am 13\}\{I am 14\}\{I am 15\}`  $\Rightarrow$  I am 13

## 17. Thay thế nội dung

- `\only<n>\{...\}` thay thế liên tiếp

Ví dụ: `\only<1>\{Em\}\only<2>\{Anh\}\only<3>\{Chúng ta\}`  
 $\Rightarrow$  Chúng ta

- `\uncover<n>\{...\}` chỉ số đã cho n

Ví dụ: `\uncover<5>\{I am 5\}`  $\Rightarrow$

- `\invisible<n>\{...\}` ẩn số n

Ví dụ: `\invisible<8>\{Invisible at 8\}`  $\Rightarrow$  Invisible at 8

- `\alt<n>\{at n\}\{not at n\}` chuyển đổi cho nhau

Ví dụ: `\alt<11>\{I am 11\}\{I am not 11\}`  $\Rightarrow$  I am not 11

- `\temporal<n>\{before\}\{at n\}\{after\}` chuyển đổi cho nhau ba số

Ví dụ: `\temporal<14>\{I am 13\}\{I am 14\}\{I am 15\}`  $\Rightarrow$  I am 13

## 17. Thay thế nội dung

- `\only<n>\{...\}` thay thế liên tiếp

Ví dụ: `\only<1>\{Em\}\only<2>\{Anh\}\only<3>\{Chúng ta\}`

⇒

- `\uncover<n>\{...\}` chỉ số đã cho n

Ví dụ: `\uncover<5>\{I am 5\}` ⇒

- `\invisible<n>\{...\}` ẩn số n

Ví dụ: `\invisible<8>\{Invisible at 8\}` ⇒ Invisible at 8

- `\alt<n>\{at n\}\{not at n\}` chuyển đổi cho nhau

Ví dụ: `\alt<11>\{I am 11\}\{I am not 11\}` ⇒ I am not 11

- `\temporal<n>\{before\}\{at n\}\{after\}` chuyển đổi cho nhau ba số

Ví dụ: `\temporal<14>\{I am 13\}\{I am 14\}\{I am 15\}` ⇒ I am 13

## 17. Thay thế nội dung

- `\only<n>\{...\}` thay thế liên tiếp

Ví dụ: `\only<1>\{Em\}\only<2>\{Anh\}\only<3>\{Chúng ta\}`  
 $\Rightarrow$

- `\uncover<n>\{...\}` chỉ số đã cho n

Ví dụ: `\uncover<5>\{I am 5\}`  $\Rightarrow$  I am 5

- `\invisible<n>\{...\}` ẩn số n

Ví dụ: `\invisible<8>\{Invisible at 8\}`  $\Rightarrow$  Invisible at 8

- `\alt<n>\{at n\}\{not at n\}` chuyển đổi cho nhau

Ví dụ: `\alt<11>\{I am 11\}\{I am not 11\}`  $\Rightarrow$  I am not 11

- `\temporal<n>\{before\}\{at n\}\{after\}` chuyển đổi cho nhau ba số

Ví dụ: `\temporal<14>\{I am 13\}\{I am 14\}\{I am 15\}`  $\Rightarrow$  I am 13

## 17. Thay thế nội dung

- `\only<n>\{...\}` thay thế liên tiếp

Ví dụ: `\only<1>\{Em\}\only<2>\{Anh\}\only<3>\{Chúng ta\}`

⇒

- `\uncover<n>\{...\}` chỉ số đã cho n

Ví dụ: `\uncover<5>\{I am 5\}` ⇒

- `\invisible<n>\{...\}` ẩn số n

Ví dụ: `\invisible<8>\{Invisible at 8\}` ⇒ Invisible at 8

- `\alt<n>\{at n\}\{not at n\}` chuyển đổi cho nhau

Ví dụ: `\alt<11>\{I am 11\}\{I am not 11\}` ⇒ I am not 11

- `\temporal<n>\{before\}\{at n\}\{after\}` chuyển đổi cho nhau ba số

Ví dụ: `\temporal<14>\{I am 13\}\{I am 14\}\{I am 15\}` ⇒ I am 13

## 17. Thay thế nội dung

- `\only<n>\{...\}` thay thế liên tiếp

Ví dụ: `\only<1>\{Em\}\only<2>\{Anh\}\only<3>\{Chúng ta\}`

⇒

- `\uncover<n>\{...\}` chỉ số đã cho n

Ví dụ: `\uncover<5>\{I am 5\}` ⇒

- `\invisible<n>\{...\}` ẩn số n

Ví dụ: `\invisible<8>\{Invisible at 8\}` ⇒ Invisible at 8

- `\alt<n>\{at n\}\{not at n\}` chuyển đổi cho nhau

Ví dụ: `\alt<11>\{I am 11\}\{I am not 11\}` ⇒ I am not 11

- `\temporal<n>\{before\}\{at n\}\{after\}` chuyển đổi cho nhau ba số

Ví dụ: `\temporal<14>\{I am 13\}\{I am 14\}\{I am 15\}` ⇒ I am 13

## 17. Thay thế nội dung

- `\only<n>\{...\}` thay thế liên tiếp

Ví dụ: `\only<1>\{Em\}\only<2>\{Anh\}\only<3>\{Chúng ta\}`

⇒

- `\uncover<n>\{...\}` chỉ số đã cho n

Ví dụ: `\uncover<5>\{I am 5\}` ⇒

- `\invisible<n>\{...\}` ẩn số n

Ví dụ: `\invisible<8>\{Invisible at 8\}` ⇒

- `\alt<n>\{at n\}\{not at n\}` chuyển đổi cho nhau

Ví dụ: `\alt<11>\{I am 11\}\{I am not 11\}` ⇒ I am not 11

- `\temporal<n>\{before\}\{at n\}\{after\}` chuyển đổi cho nhau ba số

Ví dụ: `\temporal<14>\{I am 13\}\{I am 14\}\{I am 15\}` ⇒ I am 13



## 17. Thay thế nội dung

- `\only<n>\{...\}` thay thế liên tiếp

Ví dụ: `\only<1>\{Em\}\only<2>\{Anh\}\only<3>\{Chúng ta\}`  
 $\Rightarrow$

- `\uncover<n>\{...\}` chỉ số đã cho n

Ví dụ: `\uncover<5>\{I am 5\}`  $\Rightarrow$

- `\invisible<n>\{...\}` ẩn số n

Ví dụ: `\invisible<8>\{Invisible at 8\}`  $\Rightarrow$  Invisible at 8

- `\alt<n>\{at n\}\{not at n\}` chuyển đổi cho nhau

Ví dụ: `\alt<11>\{I am 11\}\{I am not 11\}`  $\Rightarrow$  I am not 11

- `\temporal<n>\{before\}\{at n\}\{after\}` chuyển đổi cho nhau ba số

Ví dụ: `\temporal<14>\{I am 13\}\{I am 14\}\{I am 15\}`  $\Rightarrow$  I am 13

## 17. Thay thế nội dung

- `\only<n>\{...\}` thay thế liên tiếp

Ví dụ: `\only<1>\{Em\}\only<2>\{Anh\}\only<3>\{Chúng ta\}`  
 $\Rightarrow$

- `\uncover<n>\{...\}` chỉ số đã cho n

Ví dụ: `\uncover<5>\{I am 5\}`  $\Rightarrow$

- `\invisible<n>\{...\}` ẩn số n

Ví dụ: `\invisible<8>\{Invisible at 8\}`  $\Rightarrow$  Invisible at 8

- `\alt<n>\{at n\}\{not at n\}` chuyển đổi cho nhau

Ví dụ: `\alt<11>\{I am 11\}\{I am not 11\}`  $\Rightarrow$  I am not 11

- `\temporal<n>\{before\}\{at n\}\{after\}` chuyển đổi cho nhau ba số

Ví dụ: `\temporal<14>\{I am 13\}\{I am 14\}\{I am 15\}`  $\Rightarrow$  I am 13

## 17. Thay thế nội dung

- `\only<n>\{...\}` thay thế liên tiếp

Ví dụ: `\only<1>\{Em\}\only<2>\{Anh\}\only<3>\{Chúng ta\}`

⇒

- `\uncover<n>\{...\}` chỉ số đã cho n

Ví dụ: `\uncover<5>\{I am 5\}` ⇒

- `\invisible<n>\{...\}` ẩn số n

Ví dụ: `\invisible<8>\{Invisible at 8\}` ⇒ Invisible at 8

- `\alt<n>\{at n\}\{not at n\}` chuyển đổi cho nhau

Ví dụ: `\alt<11>\{I am 11\}\{I am not 11\}` ⇒ I am 11

- `\temporal<n>\{before\}\{at n\}\{after\}` chuyển đổi cho nhau ba số

Ví dụ: `\temporal<14>\{I am 13\}\{I am 14\}\{I am 15\}` ⇒ I am 13

## 17. Thay thế nội dung

- `\only<n>\{...\}` thay thế liên tiếp

Ví dụ: `\only<1>\{Em\}\only<2>\{Anh\}\only<3>\{Chúng ta\}`

⇒

- `\uncover<n>\{...\}` chỉ số đã cho n

Ví dụ: `\uncover<5>\{I am 5\}` ⇒

- `\invisible<n>\{...\}` ẩn số n

Ví dụ: `\invisible<8>\{Invisible at 8\}` ⇒ Invisible at 8

- `\alt<n>\{at n\}\{not at n\}` chuyển đổi cho nhau

Ví dụ: `\alt<11>\{I am 11\}\{I am not 11\}` ⇒ I am not 11

- `\temporal<n>\{before\}\{at n\}\{after\}` chuyển đổi cho nhau ba số

Ví dụ: `\temporal<14>\{I am 13\}\{I am 14\}\{I am 15\}` ⇒ I am 13

## 17. Thay thế nội dung

- `\only<n>\{...\}` thay thế liên tiếp

Ví dụ: `\only<1>\{Em\}\only<2>\{Anh\}\only<3>\{Chúng ta\}`

⇒

- `\uncover<n>\{...\}` chỉ số đã cho n

Ví dụ: `\uncover<5>\{I am 5\}` ⇒

- `\invisible<n>\{...\}` ẩn số n

Ví dụ: `\invisible<8>\{Invisible at 8\}` ⇒ Invisible at 8

- `\alt<n>\{at n\}\{not at n\}` chuyển đổi cho nhau

Ví dụ: `\alt<11>\{I am 11\}\{I am not 11\}` ⇒ I am not 11

- `\temporal<n>\{before\}\{at n\}\{after\}` chuyển đổi cho nhau ba số

Ví dụ: `\temporal<14>\{I am 13\}\{I am 14\}\{I am 15\}` ⇒ I am 13

## 17. Thay thế nội dung

- `\only<n>\{...\}` thay thế liên tiếp

Ví dụ: `\only<1>\{Em\}\only<2>\{Anh\}\only<3>\{Chúng ta\}`

⇒

- `\uncover<n>\{...\}` chỉ số đã cho n

Ví dụ: `\uncover<5>\{I am 5\}` ⇒

- `\invisible<n>\{...\}` ẩn số n

Ví dụ: `\invisible<8>\{Invisible at 8\}` ⇒ Invisible at 8

- `\alt<n>\{at n\}\{not at n\}` chuyển đổi cho nhau

Ví dụ: `\alt<11>\{I am 11\}\{I am not 11\}` ⇒ I am not 11

- `\temporal<n>\{before\}\{at n\}\{after\}` chuyển đổi cho nhau ba số

Ví dụ: `\temporal<14>\{I am 13\}\{I am 14\}\{I am 15\}` ⇒ I am 14

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 18. Thay thế một khối

- Dùng môi trường overlayarea chỉ ra chiều dài và rộng diện tích

```
\begin{overlayarea}{5cm}{3cm}  
\only<1> {Đây là Anh}  
\only<2> {Em là đây}  
\end{overlayarea}
```

Đây là Anh

- Dùng môi trường overprint chỉ ra chiều dài và rộng diện tích

```
\begin{overprint}  
\onslide<1> Làm sao mà thay Em  
\onslide<2> Anh còn mà nói?  
\end{overprint}
```

Làm sao mà thay Em



## 18. Thay thế một khối

- Dùng môi trường overlayarea chỉ ra chiều dài và rộng diện tích

```
\begin{overlayarea}{5cm}{3cm}  
\only<1> {Đây là Anh}  
\only<2> {Em là đây}  
\end{overlayarea}
```

Em là đây

- Dùng môi trường overprint chỉ ra chiều dài và rộng diện tích

```
\begin{overprint}  
\onslide<1> Làm sao mà thay Em  
\onslide<2> Anh còn mà nói?  
\end{overprint}
```

Anh còn gì mà nói?

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

# 19. Thay đổi màu đơn giản

- `\item <+-| alert@+>` tự động thay đổi màu
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item <+-| alert@+> Nếu Anh không gặp Em
\item <+-| alert@+> Làm sao Anh thấy được
\item <+-| alert@+> Có một vầng trăng khác
\item <+-| alert@+> Lại sáng giữa ban ngày
\end{itemize}
```

- có thể dùng `\begin{itemize}[<+-| alert@+>]` thay vì `\item <+-| alert@+>`
- Có thể thay structure vào chỗ alert

# 19. Thay đổi màu đơn giản

- `\item <+ -| alert@+>` tự động thay đổi màu

- Ví dụ

- Nếu Anh không gặp Em
- Làm sao Anh thấy được

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item <+ -| alert@+> Nếu Anh không gặp Em
\item <+ -| alert@+> Làm sao Anh thấy được
\item <+ -| alert@+> Có một vầng trăng khác
\item <+ -| alert@+> Lại sáng giữa ban ngày
\end{itemize}
```

- có thể dùng `\begin{itemize}[<+ -| alert@+>]` thay vì `\item <+ -| alert@+>`
- Có thể thay structure vào chỗ alert

# 19. Thay đổi màu đơn giản

- `\item <+ - | alert@+>` tự động thay đổi màu

- Ví dụ

- Nếu Anh không gặp Em
- Làm sao Anh thấy được
- Có một vàng trắng khác

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item <+ - | alert@+> Nếu Anh không gặp Em
\item <+ - | alert@+> Làm sao Anh thấy được
\item <+ - | alert@+> Có một vàng trắng khác
\item <+ - | alert@+> Lại sáng giữa ban ngày
\end{itemize}
```

- có thể dùng `\begin{itemize}[<+ - | alert@+>]` thay vì `\item <+ - | alert@+>`
- Có thể thay structure vào chỗ alert

# 19. Thay đổi màu đơn giản

- `\item <+ -| alert@+>` tự động thay đổi màu

- Ví dụ

- Nếu Anh không gặp Em
- Làm sao Anh thấy được
- Có một vầng trăng khác
- Lại sáng giữa ban ngày

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item <+ -| alert@+> Nếu Anh không gặp Em
\item <+ -| alert@+> Làm sao Anh thấy được
\item <+ -| alert@+> Có một vầng trăng khác
\item <+ -| alert@+> Lại sáng giữa ban ngày
\end{itemize}
```

- có thể dùng `\begin{itemize}[<+ -| alert@+>]` thay vì `\item <+ -| alert@+>`
- Có thể thay structure vào chỗ alert

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 **Thay đổi màu lần lượt**
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 20. Thay đổi màu lần lượt

- `\item<n->\alert<n>\{nội dung tô màu}` tự động tô màu
- Ví dụ

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item<2->\alert<2> {Nếu Anh không gặp Em}
\item<2->\alert<3> {Làm sao Anh biết được}
\item<2->\alert<4> {Hai ngôi sao có nước}
\item<2->\alert<5> {Ở gần kề ngay bên}
\end{itemize}
```

- có thể dùng `\item<n-| alert@n>\{nội dung tô màu}` thay vì `\item<n->\alert<n>\{nội dung tô màu}`



## 20. Thay đổi màu lần lượt

- `\item<n->\alert<n>\{nội dung tô màu}` tự động tô màu
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh biết được
  - Hai ngôi sao có nước
  - Ở gần kề ngay bên
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}  
\item<2->\alert<2> {Nếu Anh không gặp Em}  
\item<2->\alert<3> {Làm sao Anh biết được}  
\item<2->\alert<4> {Hai ngôi sao có nước}  
\item<2->\alert<5> {Ở gần kề ngay bên}  
\end{itemize}
```

- có thể dùng `\item<n-| alert@n>\{nội dung tô màu}` thay vì `\item<n->\alert<n>\{nội dung tô màu}`

## 20. Thay đổi màu lần lượt

- `\item<n->\alert<n>\{nội dung tô màu}` tự động tô màu
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh biết được
  - Hai ngôi sao có nước
  - Ở gần kề ngay bên
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}  
\item<2->\alert<2> {Nếu Anh không gặp Em}  
\item<2->\alert<3> {Làm sao Anh biết được}  
\item<2->\alert<4> {Hai ngôi sao có nước}  
\item<2->\alert<5> {Ở gần kề ngay bên}  
\end{itemize}
```

- có thể dùng `\item<n-| alert@n>\{nội dung tô màu}` thay vì `\item<n->\alert<n>\{nội dung tô màu}`

## 20. Thay đổi màu lần lượt

- `\item<n->\alert<n>\{nội dung tô màu}` tự động tô màu
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh biết được
  - Hai ngôi sao có nước
  - Ở gần kề ngay bên
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}  
\item<2->\alert<2> {Nếu Anh không gặp Em}  
\item<2->\alert<3> {Làm sao Anh biết được}  
\item<2->\alert<4> {Hai ngôi sao có nước}  
\item<2->\alert<5> {Ở gần kề ngay bên}  
\end{itemize}
```

- có thể dùng `\item<n-| alert@n>\{nội dung tô màu}` thay vì `\item<n->\alert<n>\{nội dung tô màu}`

## 20. Thay đổi màu lần lượt

- `\item<n->\alert<n>\{nội dung tô màu}` tự động tô màu
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh biết được
  - Hai ngôi sao có nước
  - Ở gần kề ngay bên
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}  
\item<2->\alert<2> {Nếu Anh không gặp Em}  
\item<2->\alert<3> {Làm sao Anh biết được}  
\item<2->\alert<4> {Hai ngôi sao có nước}  
\item<2->\alert<5> {Ở gần kề ngay bên}  
\end{itemize}
```

- có thể dùng `\item<n-| alert@n>\{nội dung tô màu}` thay vì `\item<n->\alert<n>\{nội dung tô màu}`

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 **Thay đổi màu tương tác**
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 21. Thay đổi màu tương tác

- `\alt<n>{\color{col1}...}{\color{col2}...}` tự động thay đổi màu khi di chuyển
- Ví dụ

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item<2->\alt<2>{\color{blue} Nếu Anh ...}
{\color{gray} Nếu Anh ...}
\item<2->\alt<3>{\color{blue} Làm sao ... }
{\color{gray} Làm sao ... }
\item<2->\alt<4>{\color{blue} Một vàng ...}
{\color{gray} Một vàng ...}
\item<2->\alt<5>{\color{blue} Tỏa hương ...}
{\color{gray} Tỏa hương ...}
\end{itemize}
```

# 21. Thay đổi màu tương tác

- `\alt<n>{\color{col1}..}{\color{col2}..}` tự động thay đổi màu khi di chuyển
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh với tới
  - Một vầng mây đen mềm
  - Tỏa hương thơm đêm ngày
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item<2->\alt<2>{\color{blue} Nếu Anh ...}
{\color{gray} Nếu Anh ...}
\item<2->\alt<3>{\color{blue} Làm sao ... }
{\color{gray} Làm sao ... }
\item<2->\alt<4>{\color{blue} Một vầng ...}
{\color{gray} Một vầng ...}
\item<2->\alt<5>{\color{blue} Tỏa hương ...}
{\color{gray} Tỏa hương ...}
\end{itemize}
```

# 21. Thay đổi màu tương tác

- `\alt<n>{\color{col1}..}{\color{col2}..}` tự động thay đổi màu khi di chuyển
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh với tới
  - Một vầng mây đen mềm
  - Tỏa hương thơm đêm ngày
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item<2->\alt<2>{\color{blue} Nếu Anh ...}
{\color{gray} Nếu Anh ...}
\item<2->\alt<3>{\color{blue} Làm sao ... }
{\color{gray} Làm sao ... }
\item<2->\alt<4>{\color{blue} Một vầng ...}
{\color{gray} Một vầng ...}
\item<2->\alt<5>{\color{blue} Tỏa hương ...}
{\color{gray} Tỏa hương ...}
\end{itemize}
```



# 21. Thay đổi màu tương tác

- `\alt<n>{\color{col1}...}{\color{col2}...}` tự động thay đổi màu khi di chuyển
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh với tới
  - Một vầng mây đen mềm
  - Tỏa hương thơm đêm ngày
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item<2->\alt<2>{\color{blue} Nếu Anh ...}
{\color{gray} Nếu Anh ...}
\item<2->\alt<3>{\color{blue} Làm sao ... }
{\color{gray} Làm sao ... }
\item<2->\alt<4>{\color{blue} Một vầng ...}
{\color{gray} Một vầng ...}
\item<2->\alt<5>{\color{blue} Tỏa hương ...}
{\color{gray} Tỏa hương ...}
\end{itemize}
```

# 21. Thay đổi màu tương tác

- `\alt<n>{\color{col1}..}{\color{col2}..}` tự động thay đổi màu khi di chuyển
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh với tới
  - Một vầng mây đen mềm
  - Tỏa hương thơm đêm ngày
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item<2->\alt<2>{\color{blue} Nếu Anh ...}
{\color{gray} Nếu Anh ...}
\item<2->\alt<3>{\color{blue} Làm sao ... }
{\color{gray} Làm sao ... }
\item<2->\alt<4>{\color{blue} Một vầng ...}
{\color{gray} Một vầng ...}
\item<2->\alt<5>{\color{blue}Tỏa hương ...}
{\color{gray} Tỏa hương ...}
\end{itemize}
```

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 **Màu trước và sau khi đi qua**
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 22. Màu trước và sau khi đi qua

- `\temporal<n>\{before\}\{on\}\{after\}` tự động thay đổi màu khi di chuyển
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh nghe thấy
  - Tiếng nói của đất trời
  - Bắt đầu từ bàn tay
- Mã nguồn

```
\def\hilite<#1>{%  
\temporal<#1>{\color{gray}}{\color{blue}}{\color{blue!25}}}  
\begin{itemize}  
\hilite<3> \item Nếu Anh không gặp Em  
\hilite<4> \item Làm sao Anh nghe thấy  
\hilite<5> \item Tiếng nói của đất trời  
\hilite<6> \item Bắt đầu từ bàn tay  
\end{itemize}
```

## 22. Màu trước và sau khi đi qua

- `\temporal<n>\{before\}\{on\}\{after\}` tự động thay đổi màu khi di chuyển
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh nghe thấy
  - Tiếng nói của đất trời
  - Bắt đầu từ bàn tay
- Mã nguồn

```
\def\hilite<#1>{%  
\temporal<#1>{\color{gray}}{\color{blue}}{\color{blue!25}}}  
\begin{itemize}  
\hilite<3> \item Nếu Anh không gặp Em  
\hilite<4> \item Làm sao Anh nghe thấy  
\hilite<5> \item Tiếng nói của đất trời  
\hilite<6> \item Bắt đầu từ bàn tay  
\end{itemize}
```

## 22. Màu trước và sau khi đi qua

- `\temporal<n>\{before\}\{on\}\{after\}` tự động thay đổi màu khi di chuyển
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh nghe thấy
  - Tiếng nói của đất trời
  - Bắt đầu từ bàn tay
- Mã nguồn

```
\def\hilite<#1>{%  
\temporal<#1>{\color{gray}}{\color{blue}}{\color{blue!25}}}  
\begin{itemize}  
\hilite<3> \item Nếu Anh không gặp Em  
\hilite<4> \item Làm sao Anh nghe thấy  
\hilite<5> \item Tiếng nói của đất trời  
\hilite<6> \item Bắt đầu từ bàn tay  
\end{itemize}
```

## 22. Màu trước và sau khi đi qua

- `\temporal<n>\{before\}\{on\}\{after\}` tự động thay đổi màu khi di chuyển
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh nghe thấy
  - Tiếng nói của đất trời
  - Bắt đầu từ bàn tay
- Mã nguồn

```
\def\hilite<#1>{%  
\temporal<#1>{\color{gray}}{\color{blue}}{\color{blue!25}}}  
\begin{itemize}  
\hilite<3> \item Nếu Anh không gặp Em  
\hilite<4> \item Làm sao Anh nghe thấy  
\hilite<5> \item Tiếng nói của đất trời  
\hilite<6> \item Bắt đầu từ bàn tay  
\end{itemize}
```

## 22. Màu trước và sau khi đi qua

- `\temporal<n>\{before\}\{on\}\{after\}` tự động thay đổi màu khi di chuyển
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh nghe thấy
  - Tiếng nói của đất trời
  - Bắt đầu từ bàn tay
- Mã nguồn

```
\def\hilite<#1>{%  
\temporal<#1>{\color{gray}}{\color{blue}}{\color{blue!25}}}  
\begin{itemize}  
\hilite<3> \item Nếu Anh không gặp Em  
\hilite<4> \item Làm sao Anh nghe thấy  
\hilite<5> \item Tiếng nói của đất trời  
\hilite<6> \item Bắt đầu từ bàn tay  
\end{itemize}
```



## 22. Màu trước và sau khi đi qua

- `\temporal<n>\{before\}\{on\}\{after\}` tự động thay đổi màu khi di chuyển
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh nghe thấy
  - Tiếng nói của đất trời
  - Bắt đầu từ bàn tay
- Mã nguồn

```
\def\hilite<#1>{%  
\temporal<#1>{\color{gray}}{\color{blue}}{\color{blue!25}}}  
\begin{itemize}  
\hilite<3> \item Nếu Anh không gặp Em  
\hilite<4> \item Làm sao Anh nghe thấy  
\hilite<5> \item Tiếng nói của đất trời  
\hilite<6> \item Bắt đầu từ bàn tay  
\end{itemize}
```

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 23. Các lệnh tô màu khác

- `\textbf`, `\textit`, `\textsl`, `\textrm`, `\textsf`, `\color` đều có thể hiểu là thay đổi màu và định dạng
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh nghe thấy
  - Tiếng nói của đất trời
  - Bắt đầu từ bàn tay
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item \color<1-2>{olive}{ Nếu Anh không gặp Em}
\item \textit<2>{Làm sao Anh nghe thấy}
\item \color<3>[rgb]{.9,.5,.5} {Tiếng nói của đất trời}
\item \textbf<4>{Bắt đầu từ bàn tay}
\end{itemize}
```

## 23. Các lệnh tô màu khác

- `\textbf`, `\textit`, `\textsl`, `\textrm`, `\textsf`, `\color` đều có thể hiểu là thay đổi màu và định dạng
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - *Làm sao Anh nghe thấy*
  - Tiếng nói của đất trời
  - Bắt đầu từ bàn tay
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item \color<1-2>{olive}{ Nếu Anh không gặp Em}
\item \textit<2>{Làm sao Anh nghe thấy}
\item \color<3>[rgb]{.9,.5,.5} {Tiếng nói của đất trời}
\item \textbf<4>{Bắt đầu từ bàn tay}
\end{itemize}
```

## 23. Các lệnh tô màu khác

- `\textbf`, `\textit`, `\textsl`, `\textrm`, `\textsf`, `\color` đều có thể hiểu là thay đổi màu và định dạng
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh nghe thấy
  - Tiếng nói của đất trời
  - Bắt đầu từ bàn tay
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item \color<1-2>{olive}{ Nếu Anh không gặp Em}
\item \textit<2>{Làm sao Anh nghe thấy}
\item \color<3>[rgb]{.9,.5,.5} {Tiếng nói của đất trời}
\item \textbf<4>{Bắt đầu từ bàn tay}
\end{itemize}
```

## 23. Các lệnh tô màu khác

- `\textbf`, `\textit`, `\textsl`, `\textrm`, `\textsf`, `\color` đều có thể hiểu là thay đổi màu và định dạng
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Làm sao Anh nghe thấy
  - Tiếng nói của đất trời
  - **Bắt đầu từ bàn tay**
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item \color<1-2>{olive}{ Nếu Anh không gặp Em}
\item \textit<2>{Làm sao Anh nghe thấy}
\item \color<3>[rgb]{.9,.5,.5} {Tiếng nói của đất trời}
\item \textbf<4>{Bắt đầu từ bàn tay}
\end{itemize}
```

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 **Hoạt họa và che lấp**
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 24. Hoạt họa và che lấp

- `\animate<n>` đều có thể hiểu là thay đổi màu và định dạng
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}[<+>->]  
\item Nếu Anh không gặp Em  
\item Trái đất dù quay vội  
\item Năm tháng vẫn cứ dài  
\item Cuộc đời chỉ lẻ loi  
\end{itemize}
```



## 24. Hoạt họa và che lấp

- `\animate<n>` đều có thể hiểu là thay đổi màu và định dạng
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Trái đất dù quay vội
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}[<+>->]  
\item Nếu Anh không gặp Em  
\item Trái đất dù quay vội  
\item Năm tháng vẫn cứ dài  
\item Cuộc đời chỉ lẻ loi  
\end{itemize}
```

## 24. Hoạt họa và che lấp

- `\animate<n>` đều có thể hiểu là thay đổi màu và định dạng
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Trái đất dù quay vội
  - Năm tháng vẫn cứ dài
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}[<+>->]  
\item Nếu Anh không gặp Em  
\item Trái đất dù quay vội  
\item Năm tháng vẫn cứ dài  
\item Cuộc đời chỉ lẻ loi  
\end{itemize}
```

## 24. Hoạt họa và che lấp

- `\animate<n>` đều có thể hiểu là thay đổi màu và định dạng
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Trái đất dù quay vội
  - Năm tháng vẫn cứ dài
  - Cuộc đời chỉ lẻ loi
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}[<+>->]  
\item Nếu Anh không gặp Em  
\item Trái đất dù quay vội  
\item Năm tháng vẫn cứ dài  
\item Cuộc đời chỉ lẻ loi  
\end{itemize}
```

## 24. Hoạt họa và che lấp

- `\animate<n>` đều có thể hiểu là thay đổi màu và định dạng
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Trái đất dù quay vội
  - Năm tháng vẫn cứ dài
  - Cuộc đời chỉ lẻ loi
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}[<+>->]  
\item Nếu Anh không gặp Em  
\item Trái đất dù quay vội  
\item Năm tháng vẫn cứ dài  
\item Cuộc đời chỉ lẻ loi  
\end{itemize}
```

## 24. Hoạt họa và che lấp

- `\animate<n>` đều có thể hiểu là thay đổi màu và định dạng
- Ví dụ
  - Nếu Anh không gặp Em
  - Trái đất dù quay vội
  - Năm tháng vẫn cứ dài
  - Cuộc đời chỉ lẻ loi
- Mã nguồn

```
\begin{itemize}[<+>->]  
\item Nếu Anh không gặp Em  
\item Trái đất dù quay vội  
\item Năm tháng vẫn cứ dài  
\item Cuộc đời chỉ lẻ loi  
\end{itemize}
```

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 25. Các giá trị hoạt họa

- `\animate<n>` Hoạt họa n hình.

## 25. Các giá trị hoạt họa

- `\animate<n>` Hoạt họa n hình.
- `\animatevalue<n>{name}{start}{end}` Chỉ ra tác dụng của hoạt hình. name là số đếm, start và end giá trị đầu và cuối.



## 25. Các giá trị hoạt họa

- `\animate<n>` Hoạt họa n hình.
- `\animatevalue<n>\{name\}\{start\}\{end\}` Chỉ ra tác dụng của hoạt hình. name là số đếm, start và end giá trị đầu và cuối.
- `\hypersetup{pdfpageduration=time}` Thời gian dùng cho gói lệnh hyperref.sty với lệnh dừng và làm chậm.

## 25. Các giá trị hoạt họa

- `\animate<n>` Hoạt họa n hình.
- `\animatevalue<n>\{name\}\{start\}\{end\}` Chỉ ra tác dụng của hoạt hình. name là số đếm, start và end giá trị đầu và cuối.
- `\hypersetup{pdfpageduration=time}` Thời gian dùng cho gói lệnh hyperref.sty với lệnh dừng và làm chậm.
- `\transduration<n>\{time\}` Dùng cho lớp beamer và các lệnh làm chậm.

## 25. Các giá trị hoạt họa

- `\animate<n>` Hoạt họa n hình.
- `\animatevalue<n>\{name\}\{start\}\{end\}` Chỉ ra tác dụng của hoạt hình. name là số đếm, start và end giá trị đầu và cuối.
- `\hypersetup{pdfpageduration=time}` Thời gian dùng cho gói lệnh hyperref.sty với lệnh dừng và làm chậm.
- `\transduration<n>\{time\}` Dùng cho lớp beamer và các lệnh làm chậm.

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 **Hoạt họa bay**
- 27 Trang chủ để trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```



## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```



## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình  
Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình  
Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình  
Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình  
Nếu Anh không gặp Em... right!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

Em... left!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

g gặp Em... left!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

ong gặp Em... left!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```



## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

không gặp Em... left!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

h không gặp Em... left!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

Anh không gặp Em... left!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

Anh không gặp Em... left!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}% Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

Nếu Anh không gặp Em... left!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

Nếu Anh không gặp Em... left!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

Nếu Anh không gặp Em... left!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

Nếu Anh không gặp Em... left!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```



## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

Nếu Anh không gặp Em... left!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

Nếu Anh không gặp Em... left!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

## 26. Hoạt họa bay

- Ví dụ sau có 31 hình

Nếu Anh không gặp Em... right!

Nếu Anh không gặp Em... left!

- Mã nguồn

```
\begin{itemize}
\item[]
\animatevalue<1-15>{\opaqueness}{0}{100}%
\animatevalue<1-15>{\offset}{6cm}{0cm}%
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em...{\color{olive} right}!
\end{colormixin}
\item[]
\animatevalue<17-31>{\opaqueness}{0}{100}%Starts at 17, not 16,
\animatevalue<17-31>{\offset}{-5cm}{0cm} % one pause!
\begin{colormixin}{\the\opaqueness!averagebackgroundcolor}
\hspace{\offset} Nếu Anh không gặp Em... {\color{olive} left}!
\end{colormixin}
\end{itemize}
```

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 **Trang chủ đề trình diễn**
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 27. Trang chủ đề trình diễn

- `\usetheme[option]{name}` chủ đề thường là tệp `beamertheme<name>.sty`.

## 27. Trang chủ đề trình diễn

- `\usetheme[option]{name}` chủ đề thường là tệp `beamertheme<name>.sty`.
- Trang chủ đề cũ: bars, boxes, classic, default, lined, plain, shadow, sidebar, sidebardark, sidebardarktab, sidebartab, split, tree, treebars

## 27. Trang chủ đề trình diễn

- `\usetheme[option]{name}` chủ đề thường là tệp `beamertheme<name>.sty`.
- Trang chủ đề cũ: bars, boxes, classic, default, lined, plain, shadow, sidebar, sidebardark, sidebardarktab, sidebartab, split, tree, treebars
- Trang chủ đề mới (v3.0)
  - Thanh duy chuyển<sup>2</sup>: default, boxes, Bergen, Madrid, Pittsburgh, Rochester

## 27. Trang chủ đề trình diễn

- `\usetheme[option]{name}` chủ đề thường là tệp `beamertheme<name>.sty`.
- Trang chủ đề cũ: bars, boxes, classic, default, lined, plain, shadow, sidebar, sidebardark, sidebardarktab, sidebartab, split, tree, treebars
- Trang chủ đề mới (v3.0)
  - Thanh duy chuyển: default, boxes, Bergen, Madrid, Pittsburgh, Rochester
  - Với thanh nổi hình cây: Antibes, JuanLesPins, Montpellier.



## 27. Trang chủ đề trình diễn

- `\usetheme[option]{name}` chủ đề thường là tệp `beamertheme<name>.sty`.
- Trang chủ đề cũ: bars, boxes, classic, default, lined, plain, shadow, sidebar, sidebardark, sidebardarktab, sidebartab, split, tree, treebars
- Trang chủ đề mới (v3.0)
  - Thanh duy chuyển: default, boxes, Bergen, Madrid, Pittsburgh, Rochester
  - Với thanh nổi hình cây: Antibes, JuanLesPins, Montpellier.
  - Với thanh mục lục: Berkeley, PaloAlto, Goettingen, Marburg, Hannover

## 27. Trang chủ đề trình diễn

- `\usetheme[option]{name}` chủ đề thường là tệp `beamertheme<name>.sty`.
- Trang chủ đề cũ: bars, boxes, classic, default, lined, plain, shadow, sidebar, sidebardark, sidebardarktab, sidebartab, split, tree, treebars
- Trang chủ đề mới (v3.0)
  - Thanh duy chuyển: default, boxes, Bergen, Madrid, Pittsburgh, Rochester
  - Với thanh nổi hình cây: Antibes, JuanLesPins, Montpellier.
  - Với thanh mục lục: Berkeley, PaloAlto, Goettingen, Marburg, Hannover
  - Với thanh như khung nhỏ: Berlin, Ilmenau, Dresden, Darmstadt, Frankfurt, Singapore, Szeged

## 27. Trang chủ đề trình diễn

- `\usetheme[option]{name}` chủ đề thường là tệp `beamertheme<name>.sty`.
- Trang chủ đề cũ: bars, boxes, classic, default, lined, plain, shadow, sidebar, sidebardark, sidebardarktab, sidebartab, split, tree, treebars
- Trang chủ đề mới (v3.0)
  - Thanh duy chuyển: default, boxes, Bergen, Madrid, Pittsburgh, Rochester
  - Với thanh nổi hình cây: Antibes, JuanLesPins, Montpellier.
  - Với thanh mục lục: Berkeley, PaloAlto, Goettingen, Marburg, Hannover
  - Với thanh như khung nhỏ: Berlin, Ilmenau, Dresden, Darmstadt, Frankfurt, Singapore, Szeged
  - Với các tiêu đề phần và nhỏ hơn: Copenhagen, Luebeck, Malmoe, Warsaw

## 27. Trang chủ đề trình diễn

- `\usetheme[option]{name}` chủ đề thường là tệp `beamertheme<name>.sty`.
- Trang chủ đề cũ: bars, boxes, classic, default, lined, plain, shadow, sidebar, sidebardark, sidebardarktab, sidebartab, split, tree, treebars
- Trang chủ đề mới (v3.0)
  - Thanh duy chuyển: default, boxes, Bergen, Madrid, Pittsburgh, Rochester
  - Với thanh nổi hình cây: Antibes, JuanLesPins, Montpellier.
  - Với thanh mục lục: Berkeley, PaloAlto, Goettingen, Marburg, Hannover
  - Với thanh như khung nhỏ: Berlin, Ilmenau, Dresden, Darmstadt, Frankfurt, Singapore, Szeged
  - Với các tiêu đề phần và nhỏ hơn: Copenhagen, Luebeck, Malmoe, Warsaw

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 **Màu của trang chủ đề**
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 28. Màu của trang chủ đề

- `\usecolortheme[option]{name}` thay màu trang chủ đề thường là tập `beamercolortheme<name>.sty`.

## 28. Màu của trang chủ đề

- `\usecolortheme[option]{name}` thay màu trang chủ đề thường là tệp `beamercolortheme<name>.sty`.
- Có bốn trang chủ đề màu cơ bản:

## 28. Màu của trang chủ đề

- `\usecolortheme[option]{name}` thay màu trang chủ đề thường là tệp `beamercolortheme<name>.sty`.
- Có bốn trang chủ đề màu cơ bản:
  - Mặc định và chủ đề riêng: default, structure (ví dụ, `\usecolortheme[named=SeaGreen]{structure}` ).



## 28. Màu của trang chủ đề

- `\usecolortheme[option]{name}` thay màu trang chủ đề thường là tệp `beamercolortheme<name>.sty`.
- Có bốn trang chủ đề màu cơ bản:
  - Mặc định và chủ đề riêng: default, structure (ví dụ, `\usecolortheme[named=SeaGreen]{structure}` ).
  - Chủ đề màu đầy đủ: albatross, beetle, crane, dove, fly, seagull

## 28. Màu của trang chủ đề

- `\usecolortheme[option]{name}` thay màu trang chủ đề thường là tệp `beamercolortheme<name>.sty`.
- Có bốn trang chủ đề màu cơ bản:
  - Mặc định và chủ đề riêng: default, structure (ví dụ, `\usecolortheme[named=SeaGreen]{structure}` ).
  - Chủ đề màu đầy đủ: albatross, beetle, crane, dove, fly, seagull
  - Chủ đề màu bên trong: lily, orchid

## 28. Màu của trang chủ đề

- `\usecolortheme[option]{name}` thay màu trang chủ đề thường là tệp `beamercolortheme<name>.sty`.
- Có bốn trang chủ đề màu cơ bản:
  - Mặc định và chủ đề riêng: default, structure (ví dụ, `\usecolortheme[named=SeaGreen]{structure}` ).
  - Chủ đề màu đầy đủ: albatross, beetle, crane, dove, fly, seagull
  - Chủ đề màu bên trong: lily, orchid
  - Chủ đề màu phía ngoài: whale, seahorse

## 28. Màu của trang chủ đề

- `\usecolortheme[option]{name}` thay màu trang chủ đề thường là tệp `beamercolortheme<name>.sty`.
- Có bốn trang chủ đề màu cơ bản:
  - Mặc định và chủ đề riêng: default, structure (ví dụ, `\usecolortheme[named=SeaGreen]{structure}` ).
  - Chủ đề màu đầy đủ: albatross, beetle, crane, dove, fly, seagull
  - Chủ đề màu bên trong: lily, orchid
  - Chủ đề màu phía ngoài: whale, seahorse
- `\setbeamercolor{beamer_element}{color}` với cách đặt màu các chi tiết Beamer  
Ví dụ: `\setbeamercolor{frametitle}{fg=blue,bg=yellow}`

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách
- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 29. Phong và nút liên kết của trang chủ đề

- `\usecolortheme[option]{name}` thay màu trang chủ đề thường là tập `beamerfonttheme<name>.sty`.

## 29. Phong và nút liên kết của trang chủ đề

- `\usecolortheme[option]{name}` thay màu trang chủ đề thường là tệp `beamerfonttheme<name>.sty`.
- Trong phiên bản mới có tên: `default`, `professionalfonts`, `serif`, `structurebold`, `structureitalicserif`, `structuresmallcapsserif`

## 29. Phong và nút liên kết của trang chủ đề

- `\usecolortheme[option]{name}` thay màu trang chủ đề thường là tập `beamerfonttheme<name>.sty`.
- Trong phiên bản mới có tên: `default`, `professional`, `serif`, `structurebold`, `structureitalicserif`, `structuresmallcapsserif`
- Beamer cung cấp tùy chọn cho liên kết hyperlink và button.
- `\hyperlink{targetname}{\beamergotobutton{text}}` tạo ra đường link.
- `\hypertarget{targetname}{text}` tạo tập đích.
- ví dụ: [▶ Trang sau](#)

```
\hyperlink{Tùy chọn chú thích}{\beamergotobutton{Trang sau}}  
\hypertarget{Phông của trang chủ đề}{ }
```



# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách
- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết**
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 30. Tùy chọn chú thích và nút liên kết

- `\documentclass[notes]{beamer}` tùy chọn trên lớp cho PDF trên màn hình.

## 30. Tùy chọn chú thích và nút liên kết

- `\documentclass[notes]{beamer}` tùy chọn trên lớp cho PDF trên màn hình.
- `\documentclass[notesonly]{beamer}` chỉ làm chú thích.

## 30. Tùy chọn chú thích và nút liên kết

- `\documentclass[notes]{beamer}` tùy chọn trên lớp cho PDF trên màn hình.
- `\documentclass[notesonly]{beamer}` chỉ làm chú thích.
- `\note[options]{...}` thêm chú thích ngay sau khung.

## 30. Tùy chọn chú thích và nút liên kết

- `\documentclass[notes]{beamer}` tùy chọn trên lớp cho PDF trên màn hình.
- `\documentclass[notesonly]{beamer}` chỉ làm chú thích.
- `\note[options]{...}` thêm chú thích ngay sau khung.
- ví dụ: [▶ Trang trước](#)

```
\hypertarget{Tùy chọn chú thích}{ }  
\hyperlink{Phông của trang chủ đề}{\beamerbutton{Trang
```

## 30. Tùy chọn chú thích và nút liên kết

- `\documentclass[notes]{beamer}` tùy chọn trên lớp cho PDF trên màn hình.
- `\documentclass[notesonly]{beamer}` chỉ làm chú thích.
- `\note[options]{...}` thêm chú thích ngay sau khung.
- ví dụ: [Trang trước](#)

```
\hypertarget{Tùy chọn chú thích}{ }  
\hyperlink{Phòng của trang chủ đề}{\beamerbutton{Trang
```

- Chú thích để cuối

```
\note[notes]{Mở ra trang chú thích}
```

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách
- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay**
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 31. Môi trường verbatim và overlay

- `\verb` và môi trường verbatim không dùng trực tiếp trong frame.



## 31. Môi trường verbatim và overlay

- `\verb` và môi trường verbatim không dùng trực tiếp trong frame.
- Nếu không dùng che từng bước tài liệu thì gán `\frame[containsverbatim]`.

# 31. Môi trường verbatim và overlay

- `\verb` và môi trường verbatim không dùng trực tiếp trong frame.
- Nếu không dùng che từng bước tài liệu thì gắn `\frame[containsverbatim]`.
- Cụ thể

```
\begin{frame}[containsverbatim]
\frametitle{...}%
.....
\end{frame}%
```

# 31. Môi trường verbatim và overlay

- `\verb` và môi trường verbatim không dùng trực tiếp trong frame.
- Nếu không dùng che từng bước tài liệu thì gắn `\frame[containsverbatim]`.
- Cụ thể

```
\begin{frame}[containsverbatim]
\frametitle{...}%
.....
\end{frame}%
```

- Khi đó ta dùng `\verb` bình thường

# 31. Môi trường verbatim và overlay

- `\verb` và môi trường verbatim không dùng trực tiếp trong frame.
- Nếu không dùng che từng bước tài liệu thì gắn `\frame[containsverbatim]`.
- Cụ thể

```
\begin{frame}[containsverbatim]
\frametitle{...}%
.....
\end{frame}%
```

- Khi đó ta dùng `\verb` bình thường
- Sau đó tô màu dễ dàng bằng các lệnh bao bình thường.

# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách
- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 32. Môi trường verbatim với dòng từng bước

- Định nghĩa lại lệnh `\verb` dùng trên dòng và môi trường verbatim trước môi trường frame .

## 32. Môi trường verbatim với dùng từng bước

- Định nghĩa lại lệnh `\verb` dùng trên dòng và môi trường verbatim trước môi trường frame .
- Định nghĩa lại lệnh trên dòng `\defverb\<tên lệnh>|<nội dung>|`.

## 32. Môi trường verbatim với dùng từng bước

- Định nghĩa lại lệnh `\verb` dùng trên dòng và môi trường verbatim trước môi trường frame .
- Định nghĩa lại lệnh trên dòng `\defverb<tên lệnh>|<nội dung>|`.
- Cụ thể
  - Định nghĩa `\defverb\verbnew|\mbox{...}` |
  - Sử dụng `\verbnew` cho `\mbox{...}`
- Môi trường `\defverbatim[colored]<tên lệnh>{<nội dung>}`  
`<nội dung>` có thể là môi trường verbatim hoặc `lstlisting`.

```
\defverbatim[colored]\testcode{%  
\begin{lstlisting}[frame=single,emph={ga},  
  emphstyle=\color{olive}]  
....  
\end{lstlisting}}%
```



# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

# 33. Mèo con và Sư tử

```
\begin{frame}[containsverbatim]
\frametitle{\textbf{Mèo con và Sư tử}}
\begin{columns}
\begin{column}{0.4\textwidth}
{\scriptsize
Ta vốn là chú mèo con bé nhỏ \\\
Tính hiền lành sống với nhân gian\\
Học \TeX\  nhiều cứ tưởng là sư tử\\
Hình dữ thế nhưng vẫn là Mèo con
}
\end{column}
\pause
\begin{column}{0.5\textwidth}
\framebox{\includegraphics[width=5.5cm,
height=6cm]{catlion.jpg}}
\end{column}
\end{columns}
\end{frame}
```

# 33. Mèo con và Sư tử

Ta vốn là chú mèo con bé nhỏ  
Tính hiền lành sống với nhân gian  
Học T<sub>E</sub>X nhiều cứ tưởng là sư tử  
Hình dữ thế nhưng vẫn là Mèo con

### 33. Mèo con và Sư tử

Ta vốn là chú mèo con bé nhỏ  
Tính hiền lành sống với nhân gian  
Học  $\text{\TeX}$  nhiều cứ tưởng là sư tử  
Hình dữ thế nhưng vẫn là Mèo con



# Nội dung

- 1 Giới thiệu lớp
- 2 Khung mẫu trình chiếu
- 3 Tùy chọn của mẫu văn bản
- 4 Các trang văn bản
- 5 Hiệu ứng mờ tỏ màn hình và lật trang
- 6 Văn bản và phong ký hiệu Toán
- 7 Màu chữ văn bản
- 8 Thay màu chữ và nền
- 9 Các khung văn bản định sẵn
- 10 Chia cột trong một trang
- 11 Cuộn một trang
- 12 Lệnh dừng từng bước theo dòng
- 13 Lệnh dừng từng bước theo cột
- 14 Lệnh dừng từng bước theo đánh số
- 15 Lệnh dừng từng bước theo dấu < + - >
- 16 Lệnh dừng rồi nhảy cách

- 18 Thay thế một khối
- 19 Thay đổi màu đơn giản
- 20 Thay đổi màu lần lượt
- 21 Thay đổi màu tương tác
- 22 Màu trước và sau khi đi qua
- 23 Các lệnh tô màu khác
- 24 Hoạt họa và che lấp
- 25 Các giá trị hoạt họa
- 26 Hoạt họa bay
- 27 Trang chủ đề trình diễn
- 28 Màu của trang chủ đề
- 29 Phong và nút liên kết của trang chủ đề
- 30 Tùy chọn chú thích và nút liên kết
- 31 Môi trường verbatim và overlay
- 32 Môi trường verbatim với dừng từng bước
- 33 Mèo con và Sự tử

## 34. Tài liệu tham khảo

-  Nguyễn Hữu Điển, LaTeX với gói lệnh và phần mềm công cụ, NXBĐHQG HN, 2004
-  Nguyễn Hữu Điển, Các tài liệu ở trang Web  
<http://nhdien.wordpress.com>
-  KiJoo Kim, KiJoo's LATEX Documents  
(<http://www.geocities.com/kijoo2000/>).
-  Michael Wiedmann, Screen Presentation Tools  
(<http://www.miwie.org/presentations/presentations.html>).